

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày 01/4/2025

*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Thanh Thuý
2. Ông Nguyễn Đình Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2024/TLST-DS ngày 27/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần C1. Địa chỉ trụ sở: KCN B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện theo pháp luật: Ông Pawalit U – A, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Cao Thị Hà G, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số G, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và ông Lê Văn C, sinh năm 1970; Địa chỉ: VPLS C, số B đường C, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (ông C có mặt)

Bị đơn: Ông Phan Doãn L và bà Phan Thị Bén . Cùng địa chỉ: Khu phố E, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (ông L có mặt, bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ của nguyên đơn công ty cổ phần C1 ông Lê Văn C trình bày: Ngày 27/11/2023, công ty cổ phần C1 và ông Phan Doãn L có ký hợp đồng mua bán số 51021/HĐMB, ông L mua các loại thức ăn thủy sản của công ty để nuôi tôm tại khu phố E, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Theo thoả thuận trong hợp đồng và đơn đề nghị mua hàng trả chậm thì các bên thống nhất thời gian thanh toán đơn hàng trả chậm không quá 90 ngày, trường hợp chậm thanh toán thì chịu lãi không quá 20%/năm. Sau khi ký hợp đồng ông L và công ty có thực hiện việc mua bán, giao nhận hàng và thanh toán tiền. Tuy nhiên từ ngày 04/01/2024 đến ngày 26/01/2024 ông L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các đơn hàng cho công ty và còn nợ lại tiền mua hàng là 485.930.800 đồng. Do ông L vi phạm thời gian thanh toán nợ nên công ty khởi kiện yêu cầu ông L có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ công ty, đồng thời yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 01/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ, tạm tính đến ngày 01/4/2025 tiền lãi là 44.544.529 đồng, tổng cộng là 530.475.029 đồng. Ông L là người trực tiếp ký hợp đồng mua bán hàng hoá nhưng hoạt động kinh doanh mua bán của ông Lương nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, do đó công ty yêu cầu bà Phan Thị B là vợ của ông L phải có trách nhiệm cùng ông L thanh toán nợ cho công ty.

Bị đơn ông Phan Doãn L trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của đại diện theo uỷ quyền của công ty cổ phần C1 về nội dung hợp đồng mua bán. Ngày 27/11/2023 ông và công ty có ký hợp đồng mua bán số 51021/HĐMB, theo đó ông L mua các loại thức ăn thủy sản của công ty để chăn nuôi tôm tại khu phố E, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Theo thoả thuận trong hợp đồng và đơn đề nghị mua hàng trả chậm thì các bên thống nhất thời gian thanh toán đơn hàng trả chậm không quá 90 ngày, trường hợp chậm thanh toán thì chịu lãi không quá 20%/năm. Sau khi ký hợp đồng ông và công ty có thực hiện việc mua bán, giao nhận hàng và thanh toán tiền. Tuy nhiên từ ngày 04/01/2024 đến ngày 26/01/2024, ông có nợ lại tiền mua hàng 485.930.800 đồng. Công ty có cho người đến gặp để ký xác nhận nợ với ông, tuy nhiên thời điểm ông nợ tiền và trước khi không cung cấp hàng công ty không có nhắc nhở hay thông báo đến cho ông biết việc số tiền nợ đã quá thời hạn thanh toán 90 ngày mà công ty tự ý dừng cung cấp bán hàng hoá cho ông. Việc công ty không thông báo trước việc dừng cung cấp hàng hoá và dừng bán hàng đột xuất đã gây ảnh hưởng đến việc nuôi tôm, hoạt động kinh doanh của ông và gia đình, gây thiệt hại về kinh tế. Tuy nhiên ông không có yêu cầu phản tố trong vụ án này, nếu có tranh chấp yêu cầu công ty bồi thường thiệt hại thì ông sẽ khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật. Nay công ty khởi kiện yêu cầu ông có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cho công ty và yêu cầu ông chịu lãi chậm trả tính từ ngày 01/6/2024 cho đến

khi thanh toán hết nợ, tạm tính đến ngày 31/7/2024 là 44.544.529 đồng, tổng cộng là 530.475.029 đồng, ông L thống nhất có nợ và đồng ý thanh toán số nợ trên làm 03 lần trong thời hạn 03 năm, chia đều nợ ra từng kỳ để thanh toán. Ông thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng ông và bà Phan Thị B trong thời kỳ hôn nhân nên đồng ý việc bà B cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho công ty.

Bị đơn bà Phan Thị B vắng mặt, tại bản tự khai và biên bản hoà giải bà B trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của đại diện theo uỷ quyền của công ty cổ phần C1 về nội dung hợp đồng mua bán. Chồng bà là ông Phan Doãn L, vào ngày 27/11/2023 ông L và công ty có ký hợp đồng mua bán số 51021/HĐMB, ông L mua các loại thức ăn thuỷ sản của công ty để chăn nuôi tôm tại khu phố E, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Theo thoả thuận trong hợp đồng và đơn đề nghị mua hàng trả chậm thì các bên thống nhất thời gian thanh toán đơn hàng trả chậm không quá 90 ngày, trường hợp chậm thanh toán thì chịu lãi không quá 20%/năm. Sau khi ký hợp đồng ông L và công ty có thực hiện việc mua bán, giao nhận hàng và thanh toán tiền. Tuy nhiên từ ngày 04/01/2024 đến ngày 26/01/2024, ông L còn nợ lại tiền mua hàng 485.930.800 đồng. Công ty có cho người đến gặp để ký xác nhận nợ với ông L. Tuy nhiên phía công ty không nhắc nhở hay thông báo đến vợ chồng ông bà biết việc nợ đã quá thời hạn thanh toán 90 ngày mà tự ý dừng cung cấp bán hàng hoá. Việc công ty không thông báo trước việc dừng cung cấp hàng hoá đã gây ảnh hưởng đến việc nuôi tôm, hoạt động kinh doanh của ông bà, gây thiệt hại về kinh tế. Nay công ty khởi kiện yêu cầu ông bà có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cho công ty và yêu cầu ông chịu lãi chậm trả tính từ ngày 01/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ, tạm tính đến ngày 31/7/2024 là 44.544.529 đồng, tổng cộng là 530.475.029 đồng, bà thống nhất có nợ và đồng ý thanh toán số nợ trên làm 03 lần trong thời hạn 03 năm, chia đều nợ ra từng kỳ để thanh toán. Bà thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng ông bà trong thời kỳ hôn nhân nên đồng ý cùng với ông L có trách nhiệm thanh toán nợ cho công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là hàng hóa. Trong vụ án này bị đơn ông Phan Doãn L và bà Phan Thị B có nơi cư trú tại khu phố

E, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Bà Phan Thị B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Công ty cổ phần C1 và ông Phan Doãn L thống nhất giữa hai bên có thỏa thuận ký hợp đồng mua bán số 51021/HĐMB ngày 27/11/2023, theo đó ông L mua thức ăn, thuốc thủy sản của công ty, nhằm mục đích nuôi tôm tại khu phố E, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Theo thỏa thuận trong hợp đồng và đơn đề nghị mua hàng trả chậm thì các bên thống nhất thời gian thanh toán đơn hàng trả chậm không quá 90 ngày, trường hợp chậm thanh toán thì chịu lãi không quá 20%/năm. Sau khi ký hợp đồng giữa ông L và công ty có thực hiện việc mua bán, giao nhận hàng và thanh toán tiền. Tuy nhiên từ ngày 04/01/2024 đến ngày 26/01/2024, ông L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho các đơn hàng của công ty và nợ lại tiền mua hàng 485.930.800 đồng nên công ty dừng việc mua bán hàng hóa đối với ông L. Công ty và ông L có xác nhận nợ và đề nghị ông L thanh toán số nợ nhưng ông L không thanh toán. Mặc dù ông L là người trực tiếp ký hợp đồng mua bán hàng hoá nhưng hoạt động kinh doanh mua bán của ông Lương nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, do ông Lương vi P nghĩa vụ nên công ty cổ phần C1 khởi kiện ông L, đồng thời yêu cầu bà B là vợ công L phải có trách nhiệm cùng ông L thanh toán nợ cho công ty. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Doãn L và bà Phan Thị B thanh toán cho Công ty cổ phần C1 số tiền nợ mua hàng hóa là 485.930.800 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả tính từ ngày 01/6/2024 đến ngày 01/4/2025 là 44.544.529 đồng, tổng gốc và lãi là 530.475.029 đồng, đồng thời buộc ông L và bà B tiếp tục chịu lãi chậm trả kể từ sau ngày 01/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Ông Phan Doãn L và bà Phan Thị B thừa nhận có nợ công ty C.P số nợ do mua hàng hóa của công ty là 485.930.800 đồng và lãi chậm trả theo quy định. Lý do chậm thanh toán và vi phạm thỏa thuận của hợp đồng là do công ty tự ý không bán hàng hoá nên gây thiệt hại về kinh tế cho gia đình ông bà. Tuy nhiên ông bà không có yêu cầu phản tố trong vụ án này. Trong quá trình giải quyết vụ án ông L và bà B thống nhất có nợ Công ty cổ phần C1 số tiền 485.930.800 đồng và đồng ý trả lãi chậm trả theo hợp đồng tính từ ngày 01/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ, tạm tính đến ngày xét xử tiền lãi là 44.544.529 đồng, tổng gốc và lãi là 530.475.029 đồng. Tại

phiên tòa, ông Phan Doãn L đề nghị được trả cho công ty số tiền nợ nêu trên làm 03 lần trong thời hạn 03 năm, chia ra từng kỳ để thanh toán. Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đồng ý với đề nghị của bị đơn, do đó các đương sự không thỏa thuận được.

Xét thấy hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản giữa Công ty cổ phần C1 với ông Phan Doãn L là dựa trên sự tự nguyện, công ty cổ phần C1 đã giao đủ tài sản nhưng ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền của mình là vi phạm Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả tiền: “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.*”

2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”.

Do đó ông L, bà B phải có nghĩa vụ trả tiền nợ do mua hàng hóa và trả lãi chậm trả theo hợp đồng đã ký với công ty cổ phần C1 là 485.930.800 đồng. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả theo hợp đồng từ ngày 01/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ, tạm tính đến ngày xét xử ngày 01/4/2025 là 44.544.529 đồng. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Phan Doãn L, bà Phan Thị B trả cho Công ty cổ phần C1 số tiền 530.475.029 đồng, trong đó tiền mua hàng hóa nợ vốn gốc là 485.930.800 đồng, tiền lãi chậm trả là 44.544.529 đồng.

Về án phí: Ông L, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho công ty cổ phần C1.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C1 đối với bị đơn ông Phan Doãn L, bà Phan Thị Bến .

Buộc ông Phan Doãn L và bà Phan Thị B trả cho Công ty cổ phần C1 số tiền 530.475.029 đồng (năm trăm ba mươi triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm hai mươi chín đồng), trong đó vốn gốc là 485.930.800 đồng (bốn trăm tám mươi lăm triệu chín trăm ba mươi nghìn tám trăm đồng), tiền lãi là 44.544.529 đồng (bốn mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Phan Doãn L và bà Phan Thị B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.890.036 đồng (hai mươi một triệu tám trăm chín mươi nghìn không trăm ba mươi sáu đồng).

Trả lại cho nguyên đơn công ty cổ phần C1 tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.896.467 đồng (mười một triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền số 0008303 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn Phan Doãn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn Phan Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP . Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Phương

Giang Phước Thành